

まるをつける かみ（ヒヤリハット）

ぶんしょうを かかなくて だいじょうぶです。まるをつけるだけです。／ Chỉ cần khoanh tròn（参考訳）

様式2

|                             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
|-----------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 日にち・時間<br>Ngày / giờ        | 月 日 時 分ごろ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
| どこで<br>Ở đâu                | <input type="checkbox"/> きょしつ <input type="checkbox"/> ろうか <input type="checkbox"/> トイレ <input type="checkbox"/> よくしつ <input type="checkbox"/> しょくどう <input type="checkbox"/> ベッド <input type="checkbox"/> くるまいす <input type="checkbox"/> その他<br>( )                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
| だれ<br>Ai                    | りょうしゃさん ( ) 様) かいた人 ( ) ※なまえを かかなくても<br>だせます                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
| なにが<br>Chuyện gì            | <input type="checkbox"/> ころびそうになった <input type="checkbox"/> ころんだ <input type="checkbox"/> おちそうになった <input type="checkbox"/> ベッドからおちた<br><input type="checkbox"/> くすりを まちがえそうになった <input type="checkbox"/> くすりを まちがえた <input type="checkbox"/> のみわすれた<br><input type="checkbox"/> むせた <input type="checkbox"/> つまりそうになった <input type="checkbox"/> たべものがくちに のこっていた<br><input type="checkbox"/> あざ・きずを みつけた <input type="checkbox"/> あかみを みつけた <input type="checkbox"/> やけどしそうになった<br><input type="checkbox"/> いじょうのとき くずれそうになった <input type="checkbox"/> ひとりでするしかなかった<br><input type="checkbox"/> わからなかった <input type="checkbox"/> きけなかった <input type="checkbox"/> こしが いたくなかった<br><input type="checkbox"/> あぶないと おもった <input type="checkbox"/> いつもと ちがった<br><input type="checkbox"/> その他 ( ) |
| どうした<br>Đã làm gì           | <input type="checkbox"/> ささえた <input type="checkbox"/> とめた <input type="checkbox"/> なおした <input type="checkbox"/> すぐ ほうこくした <input type="checkbox"/> かんごしを よんだ<br><input type="checkbox"/> なにもしていない <input type="checkbox"/> その他 ( )                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
| けがは<br>Có bị thương không   | <input type="checkbox"/> なし <input type="checkbox"/> あり (どこ : ) <input type="checkbox"/> わからない                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
| そのとき<br>Lúc đó              | <input type="checkbox"/> いそいでいた <input type="checkbox"/> ひとりだった <input type="checkbox"/> はじめてだった <input type="checkbox"/> いつもと ちがった <input type="checkbox"/> とくになし                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
| ひとこと (かけた<br>ら)<br>Một dòng | <div></div> <div></div> <div></div>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |

まるをつけるだけで だせます。ひらがなで かいて だいじょうぶです。「ひとこと」は あいていても かまいません。まるだけでも、しゅうけいは できます。  
Mẫu này chỉ cần khoanh tròn. Không cần viết câu. Phần "một dòng" có thể để trống.（参考訳）

それでも 書けない人がいたら、口で 言ってもらって、聞いた職員が 書いてください。それで、まったく 構いません。大事な のは 情報 が 施設に 届く ことであって、本人が 字を書く ことではありません。

きにゅうれい

8がつ 25にち 12:20ごろ / どこで ☐しょくどう / だれ たなかさま / なにが ☐むせた / どうした ☐とめた / け  
がは ☐なし

ひとこと：みそしるで 2かい むせた。おちついてから また たべた。

かいたら、はこに いれてください。それで おわりです。  
Viết xong, bỏ vào hộp. Thế là xong.（参考訳）